



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH CONG LIET
Last Middle First

Current Address: 577 / TO 22 Tan Thuan - xa Tan Thuan Dong
Date of Birth: 03/12/1939 Place of Birth: MY - Tho Chau. Thanh. Phong
Previous Occupation (before 1975) Captain & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/06 1975 To 1/1981
Years: 05 Months: 06 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
BUI - NG - HUONG	1957	wife
HUYNH - THI - TRUC - PHUONG	1962	daughter
HUYNH - THI - TRUC - GIANG	1963	"
HUYNH - THI - TRUC - VAN	1965	"
HUYNH - CONG - MINH	1968	son
HUYNH - CONG - CHANH	1970	son
HUYNH - THI - TRUC - LY	1972	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Huỳnh Hoa Phụng

Aachen, ngày 10.8.90

Sính thưa bà,

Cước hít tôi xin kính chúc sức khỏe bà, tôi có được biết tin bà qua báo Văn Nghệ Tiền phong và nay qua anh ruột của tôi.

Có xin từ giờ thiếu tôi là em ruột của Đại úy Huỳnh Công Lật sinh năm 1939 tại Mỹ Tho. Anh tôi có gửi hồ sơ xin nhập cảnh Mỹ qua văn phòng của bà năm 1987, cho đến nay chưa có tin tức. Có thể là hồ sơ chưa đến bà hay thư trả lời bị thất lạc hoặc hồ sơ còn thiếu sót?!

Kính xin bà vui lòng cho biết thời giờ quý báo có lại đến hồ sơ của anh tôi (1) và cho tôi hay để tôi có thể báo tin cho Anh tôi biết. Anh tôi được biết bà đã giúp được nhiều gia đình ở Nha Môn (Đồng Tháp) có kết quả nên anh tôi hy vọng lắm.

Có xin chân thành cảm ơn bà. Xin kính chúc bà luôn luôn khỏe mạnh. Mong tin bà.

Đình Kim:

- 1 giấy tra tra
- 1 thư cần ước

Kính thư

Phuon

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN - CƯỚC

Số:

024828

QUÂN NHÂN



Họ Tên

HUYNH-CÔNG-LYET

Cấp bậc

Đại-Ủy

Số quân

59/100.559

Ngày, nơi sinh

17.03.1939 An-Huân

My Tho

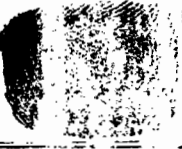
Cha

HUYNH-VAN-THAT

Mẹ

TRUONG-THIA-THAO

QD. 849 A

AH 023528 Dấu vết riêng. Tài nhạng cách 2 trước trái tại phải		Cus : 1: 65 Loại mẫu : B 18	
Số nhà căn cước dân sự: 02498552 Nơi cấp Tây-Ninh, 8/10/69 K.B. 4.25 ngày 14.9.74 Tiểu-Tướng TRẦN VĂN XUÂN-TRANG Tham-Mưu-Tổng-Nhân-Viên Bộ THAM-MU VNCH 		Ngón trở mặt 	Ngón trở trái 

BỘ NỘI VỤ
Tân lập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Số 16/GIA

001378 2160312

10

GIẤY THA TRẠI

Theo thông tư số 966-PCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thủ-hành án văn, quyết định tha số 78 ngày 10 tháng 1 năm 1981 của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Huỳnh công Liệt

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 192

Nơi sinh cho

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

17/5A ấp 1 xã Tân Mỹ, huyện Mỹ Tho, Tiền Giang

Can tội Đội uy táng quân chi khu

Bị bắt ngày 6-5-75 Án phạt TRCT

Theo quyết định, án văn số 78 ngày 10 tháng 1 năm 1981 của

Đã bị tăng án lần, cộng thêm năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thêm năm tháng

Nay về cư trú tại 4/2 ấp Mỹ Tho, Mỹ Tho, Tiền Giang

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã tích cực chấp hành cải tạo, có bản thân, an tâm cải tạo chưa có biểu hiện gì xấu

Lao động, học tập, có nhiều cố gắng đảm bảo ngày công hàng, tham gia vào các hoạt động tập thể, học tập các mặt thêm gia đầy đủ

Nội qui chưa có sai phạm gì lớn, đấu tranh phê bình đồng phạm còn yếu. Thường được xếp loại cải tạo trung bình

Trụ tay ngón trở phải

Cá Huỳnh công Liệt

Đã h bản số 10.566

Trụ tay ngón trở phải

Trụ tay ngón trở phải
ngón được cấp giấy



Huỳnh công Liệt . Thượng úy : Phòng viết Bản

MIT LUFTPOST
PAR AVION
BY AIR MAIL

PARADISIOLOGIEN
-aachen-
kongresse
im herzen
europas

ACHEN

To:

Mrs Khuc Minh Cho

To: Huỳnh Hoa Phương

8

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

A. Basic Identification Data

Date :

Lý lịch căn bản

Ngày :

1. Name

Họ, tên

: HUỲNH - CÔNG - LIỆT

2. Other names

Họ tên khác

Không

3. Date/Place of Birth

Ngày/ nơi sinh

: 17-3-1939 AN-HỮU, MỸ-THO

4. Residence Address

Địa chỉ thường trú

: 577 Tô² 22 ấp Tân Thuận, xã Tân Nhuan Đông

5. Mailing Address

Địa chỉ thư từ

: 38 B Đường Học LAC, Q 5, TP Hồ - Chí Minh
huyện Châu Thành, Đồng Tháp

6. Current Occupation

Nghề nghiệp

: Quân nhân

B. Relatives to Accompany me

Bà con cùng đi với tôi

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status(MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed(W), or Single(S).

(CHỮ Ý : Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình(M), đã ly dị(D), góa phụ/góa thê(W) hoặc độc thân (S).

Name Họ, tên	Date of Birth Ngày, tháng, năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng	Relationship Liên hệ
-----------------	--	----------------------------	-------------	------------------	-------------------------

1. Bùi Mỹ-Hương	10-5-1951	Sa Đéc	Nữ	M	Vợ
2. Huỳnh-thị-Trúc-Phương	25-5-1962	Saigon	nữ	S	con
3. Huỳnh-thị-Trúc-Giang	30-9-1963	Mỹ Tho	nữ	S	con
4. Huỳnh-thị-Trúc-Vân	13-12-1965	Gia Định	nữ	S	con
5. Huỳnh-Công-Minh	25-2-1968	Gia Định	Nam	S	con
6. Huỳnh-Công-Chánh	9-10-1970	Gia Định	Nam	S	con
7. Huỳnh-thị-Trúc-Lý	28-5-1972	Gia Định	Nữ	S	con

(NOTE : For the person listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates(if married), divorce decrees(if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards(if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below).

(CHỮ Ý : cho mọi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần 1 bản khai sinh, giấy thú(nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn(nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng(nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước(nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

1. Relatives Outside Vietnam

Họ hàng ở ngoại quốc

Closest relative in the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. Name

Họ, tên

HỒ - VĂN - HUỆ

b. Relationship

Liên hệ gia đình Ba anh Huệ và Ba tôi là anh em cô cậu ruột

c. Address

HỒ-NGỌC-ĐIỆP
Địa chỉ 4627 FENOYKE AVE. ROSE MEAD CA 91770

2. Closest relative in other Foreign Countries

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên HUYNH-HOA-PHƯƠNG

b. Relationship

Liên hệ gia đình em ruột

c. Address

Địa chỉ Wenzel STR 9 - 51 Aachen - WG

D. Complete Family listing (leaving/dead)

Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

Name
Họ, tên

Address
Địa chỉ

1. Father

Cha

Huỳnh-văn-THÁI (chết) AnHầu, Cái Bè, Mỹ Tho

2. Mother

Mẹ

Trương-Thị-THAO (sống)

- nh -

3. Spouse

Vợ/chồng

Bùi-Mỹ-Hương

4. Former spouse

Vợ/chồng trước (nếu có) Phu-thị-Mỹ-Hạnh (chết 1973)

5. Children

Con (con) : (1)

(2)

(3)

(4)

(5)

6. Siblings

Anh chị em :

(1) Huỳnh-Bá-Nhân

(2) Huỳnh-thị-Xuân-Mai

(3) Huỳnh-Hoa-Phường

(4)

(5)

AnHầu, Cái Bè, Mỹ Tho

38 B Hoc Lac. Q5. Saigon

Wenzel str 9 - 51 Aachen

- WG

E. Employment by U.S. Government Agencies or other U.S. organization of you or your spouse

Bạn hoặc vợ/chồng đã có lần việc cho công sở của Chính phủ Mỹ hoặc
Hàng Mỹ

1. Name of person Employed

Họ tên nhân viên

HUYNH-CÔNG-LIỆT

2. Dates

Ngày tháng năm

Công Binh Đại Han

Lữ Đoàn I Không Kỳ Mỹ

From

To

Từ : 1 tháng 5/1966 Đến : 5/1969

2

3 5/1969

5/1971

3. Title

Chức vụ công việc

1. Sĩ quan liên lạc
2. _____
3. _____
4. _____

4. Agency/company/Office

Sở/Hàng/Văn phòng

1. Văn phòng liên lạc cảnh Lữ Đoàn Công
2. _____ Đại Hàn và Lữ Đoàn 1
3. _____ K K Mỹ.
4. _____

5. Name of (last) Supervisor

Tên họ người giám thị

1. Không nhớ tên.
2. _____
3. _____
4. _____

6. Reason for leaving

Lý do ra đi

1. Đơn vị Mỹ về Nước
2. _____
3. _____
4. _____

7. training for job in Vietnam

Nghề nghiệp huấn luyện tại Vietnam : Nghề huấn luyện sửa chữa
máy ô tô.

F. Service with GNV or RVNAP by you or your spouse

Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính phủ Việt Nam

1. Name of person serving

Họ tên người tham gia : HUYNH-CÔNG-LIỆT

2. Dates of

From

To

Ngày tháng năm

Từ : 1958

Tới : 1975

3. Last rank

Cấp bậc cuối cùng : Đại-úy

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/Sở/Đơn vị/Binh chủng : Bộ Binh

5. Name of supervisor/C.O.

Họ tên người giám thị : Đại Tá Nguyễn-Trung-Thành
Sĩ quan chỉ huy : Th-Tá Võ-Ngọc-Khoan

6. Reason for leaving

Lý do ra đi : Đi học tập cải tạo năm 1975

7. Names of American advisor (s)

Họ tên cố vấn Mỹ : Không nhớ tên

8. Name of U.S. training courses in Vietnam

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam :

9. U.S. Awards or certificates

Giấy khen hoặc chứng thư do Hoa Kỳ cấp :

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available, available ? Yes Có No Không).

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen hoặc chứng thư nếu có. Đừng sợ có không ? Có Có Không Không).

G. Training outside Vietnam of you or your spouse

Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc

1. Name of student/trainee

Họ tên sinh viên/ người được huấn luyện : Không

2. School Address

Trường và địa chỉ nhà trường :

3. Dates

From

To

Ngày tháng năm

Từ :

Đến :

4. Description of courses

Mô tả ngành học :

5. Who paid for training ?

AI đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available ?

Yes

No

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chứng chỉ nếu có. Bạn có hay không?

Có Không).

H. Re-education of you or your spouse

Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of person in Re-education

Họ tên người đi học tập cải tạo : HUYNH - CONG - LIET

2. Total time in Re-education

Years

Months

Days

Tổng cộng thời gian học tập cải tạo 6 5 13

3. Still in Re-education ?

Yes

No

Vẫn còn học tập cải tạo ?

Có

Không

Không

• (If released we must have a copy of your release certificate).

• (Nếu được thả, chúng tôi cần 1 bản sao giấy ra trại).

I. Any Additional Remarks ?

Cước chủ phụ thuộc :

- + Vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Huỳnh-thị-trúc-Giang ở với bà nội ở An Nhơn Cái Bè Mỹ Tho. Và Huỳnh-thị-trúc-Vân ở với cô 50/2 Hòa Hưng Quận 10 TP. Hồ Chí Minh nên không có tên cùng họ Khâu.
- + Có sự nhầm lẫn của nhân viên hồ tịch nên năm sinh và sinh quán sai: thay vì sinh 1939 thì ghi 1929; thay sinh quán ở An Nhơn, Cái Bè, Mỹ Tho lại ghi Tân Thuận Đông Đồng Tháp

Signature :

Date :

Ký tên :

Ngày :

J. Please list here all documents attached to this questionnaire.

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này.

1. Giấy ra trại của Hh. công. Liệt
2. Quyết định xóa chế của Hh. công Liệt
3. Giấy ra vào cơ quan Mỹ của Hh. công. Liệt
4. Giấy can cước quân nhân của Hh. công. Liệt
5. Bản sao chứng nhận Kết hôn của Hh. công Liệt và Bùi. Mỹ. Hương
6. Bản sao nhận bằng thi đua
7. Mỗi người một bản khai sinh
8. Mỗi người một ảnh 4X6 nhìn thẳng
9. Bản khai tử của Phu thê Mỹ. Hạnh
10. Thẻ nhân viên của Bùi. Mỹ. Hương
11. 6 Bản CMND - Riêng Huỳnh. Công. Chánh và Hh. thị. Trúc. Ly chưa làm CMND.

Nha Môn, ngày 18/1988:

Thỉnh gọi:

Chị Đức - Minh - Thơ

Kính nhờ chị chuyển giúp em
Hồ sơ này giúp em sớm có kết
quả, em thành thật cảm ơn chị.
Em là con dòng sau của má
lớn em là Đức - Thi - Giang
quê ở Cai Tôn, các em là
Cầu Tứ Đam, Tám Sơn, chín Hồ,
mười Cửu. Cầu Tư và Cầu Tám
qua đò. Cầu chín ở Cai Tôn An
tiếp còn cầu Mười ở Nha Môn.
Các Cầu có bao em là có cần gì
thì viết thư nhờ chị giúp cho
Đến ngày hôm nay em mới lo

Từ hồ sơ gửi đi, nhưng không
biết có gì còn thiếu sót, mong
nhà chị giúp đỡ thêm.

Ít dòng gửi chị, chúc chị
có nhiều sức khỏe tốt.

Em chào chị.

Liệt

Huỳnh Công Liệt

con Tam Thái,

thở bae. Sade c

Địa chỉ thư từ gửi cho:

Huỳnh Thi Xuân Mai

38 B Trường Học Lạc

Q 5 TP. Hồ Chí Minh

(Trao cho Huỳnh Công Liệt).

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961

Tân lập

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trại

Số 16/GIN

0 0 1 3 7 8 2 6 0 3 2

985LD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thị hành án văn, quyết định tha số 78 ngày 10 tháng 3 năm 1961

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Huỳnh công Liệt

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1939

Nơi sinh Mỹ tho

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

17/6A ấp 1 An huu, Cái bè, Tiền giang

Can tội Đại úy trưởng phân chi khu

Bị bắt ngày 6-6-75 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 4/2 An huu, Cái bè, Mỹ tho, Tiền giang

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã xác định được tội lỗi của bản thân, ăn tâm cải tạo chưa có biểu hiện gì xấu

Lao động, học tập, có nhiều cố gắng đảm bảo ngày công hằng tháng và mức khoán trại giao, học tập các mặt thêm gia đầy đủ

Nội qui chưa có sai phạm gì lớn, cầu tranh phê bình động viên còn yếu. Thường được xếp loại cải tạo trung bình

Là tay ngôn trò phải

Cá, Huỳnh công Liệt

Danh bản số 10.566

Là, Quân pháp

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Lal

Ngày 10 tháng 1 năm 1981

Quản thị
Tha giam thị

Tha giam thị

Tha giam thị

Tha giam thị

Tha giam thị

Tha giam thị

Tha giam thị

Tha giam thị

Tha giam thị

Huỳnh công Liệt. Thượng úy: Phùng viết Bân

Xác nhận

Sao y bản chính ngày 21 tháng 01 năm 81
T.M. M. N. D. M. B. H. H. H.

L. H. H. H.



Trưởng ban

QUẢN LÝ VIỆC CÔNG-ĐOÀ
THẺ CÁN - CƯỚC SỐ: 024828
QUẢN NHÂN

HỌ TÊN: NGUYỄN CÔNG-LIỆT
Chức vụ: Đại-ý
Số quân: 59/100.559
Ngày, nơi sinh: 17.05.1939, An-Như
Huyện-Thị
Cha: LUYỄN-VĂN-THÁI
Mẹ: PHƯƠNG-THỊ-THAO

QD. 849 A

AH 023526 Dấu vết riêng.		Cao: 1m 65.	
Tàn nhang cách 2 trước trái tại phải		Loại máu: D Rh +	
Số thẻ căn-cước dân sự: 02498552		Ngón trỏ mặt	
Ngày, nơi cấp Tây-Ninh, 8/10/69			
KBC 4725 ngày 14.9.74		Ngón trỏ trái	
VIỆT NAM Thiếu-Tướng NGUYỄN-XUÂN-TRANG Tham-Mưu-Rệp-Nhân-Viên Đo LÍNH QLVNCH <i>Khang</i>			

HEADQUARTERS 1st AIR CAVALRY DIVISION

OFFICE OF THE PROVOST MARSHAL

AFD 96490

PLT. NGUYEN CONG LIET, 59/100559 is an ARVN
LNO next to 1st Bde 1st ACB. He is authorized
to be admitted to all installations.



OFFICIAL
PROVOST MARSHAL
1st AIR CAVALRY DIVISION
AFD 96490

-x-

(()) QUYẾT ĐỊNH

(V/V Xóa Quân chế cho Binh Sĩ - Sĩ Quan chế độ cũ)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẢI BÈ

- Căn cứ vào luật tổ chức HĐND và UBND các cấp .
- Căn cứ vào sự nhất trí của thường trực UBND Huyện Cải Bè .
- Căn cứ vào biên bản cuộc họp dân ngày của Công an xã xóa quân chế cho anh em chế độ cũ .
- Xét trường hợp của đương sự đã được chỉ tạo về tư tưởng và bản thân ở trường cải tạo tốt, khi về địa phương chấp hành chủ trương chính sách nội quy nhà nước tốt .
- Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I / /ay chấp thuận xóa quân chế cho anh
Là của chế độ cũ, được hưởng
quyền công dân như mọi người công dân của nước Cộng hòa Xã
Hội Chủ Nghĩa Việt Nam .

ĐIỀU II / Anh có nhiệm vụ chấp hành mọi
chỉ thị, mệnh lệnh của Đảng và Nhà Nước, chính quyền địa
phương. Đồng thời được hưởng quyền lợi và làm Nghĩa vụ như
mọi người công dân khác .

ĐIỀU III / Công an xã UBND xã và Công an xã
.....
quyết định thi hành từ ngày ký ,

Tổ chức chính quyền huyện theo dõi việc thi hành
quyết định này báo cáo lên thường trực UBND huyện .

CHỨNG THẬT

ĐẠI VỊ BAN CHÁNH

CHỖ CHỮ MỤC 13 tháng 11 năm 1981

M. B. N. D. PHƯƠNG 2)

Thị trấn Châu Mỹ

SE 11 11 1981

ĐẠI VỊ BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH

TRẦN VĂN TÂM

Chân văn (Chân)



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Vĩnh-Long

QUẬN Tam-Bình

XÃ Tầm-Lồ

Số hiệu 81



TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - TỬ

Lập ngày 04 tháng 11 năm 1973

Tên họ người chết :	PHU-THI-MỸ-HANH
Nghề nghiệp :	Nội-Trợ
Tên họ người cha :	Phu-văn-Nhụy
Tên họ người mẹ :	Nguyễn-Thị-Nhỏ
Ngày từ trần :	ngày Ba, tháng Mười Một, năm 1973
Nơi từ trần :	Tầm-Lồ
Địa chỉ người chết :	Tầm-Lồ
Tên họ người hôn phối :	HUỲNH-CÔNG-LIỆT

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Tầm-Lồ ngày 25 tháng 02 năm 1974
Kính Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,

MIỀN THỊ THỰC



Nguyễn Văn Hườn
Nguyễn-văn-Hườn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **340694B02**

Họ tên **HUYNH-CÔNG-LIỆT**



Sinh ngày **1929**

Nguyên quán **Tân-Nhuân-Đông,**

Châu-Thành, Đồng-Tháp

Nơi thường trú **Tân-Thuân, Tân-**
Thuân-Đông, Châu-Thành, Đ-T

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi C: 3cm trên
cạnh mũi phải

ĐT 10 tháng 10 năm 1984

CHỖ ĐÓNG DẤU HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Uyển

Thái Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **040186230**

Họ tên **BÙI-MỸ-HƯƠNG**

Sinh ngày **10-05-1951**

Nguyên quán **Tân-Nhuận-Đông,
Châu-Thành, Đông-Thái**

Nơi thường trú **291B/76, Lê-Lợi
Cao-lãnh, Đông-Thập**



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Hột cơm C: 2cm, trên và sau mép phải	
		ĐT Ngày 02 tháng 03 năm 1979	
NGON TRỐ TRÁI		NGON TRỐ PHẢI	
		 PHÓ TRƯỞNG TY VÕ VĂN ĐANG	

Tỉnh, Thành phố
Đồng Tháp
Quận, Huyện
Châu Thành
Xã, Phường
Tân Nhuận Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyển số 01
Số 286

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ Bùi Mỹ-Hương
Sinh ngày 10 - 5 - 1951
Quê quán Tân Nhuận Đông, Đồng Tháp
Nơi đăng ký thường trú 577 Tổ 22 ấp Tân Thuận, xã Tân Nhuận Đông, CT. Đồng Tháp
Nghề nghiệp nhà HO SINH
Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM
Số CMND hoặc Hộ chiếu 340186230

Họ và tên người chồng Huỳnh Công Liệt
Sinh ngày 1929
Quê quán Tân Nhuận Đông, Đồng Tháp
Nơi đăng ký thường trú 577 Tổ 22 ấp Tân Thuận, Tân Nhuận Đông, CT. Đồng Tháp
Nghề nghiệp Làm vườn
Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM
Số CMND hoặc Hộ chiếu 340694609

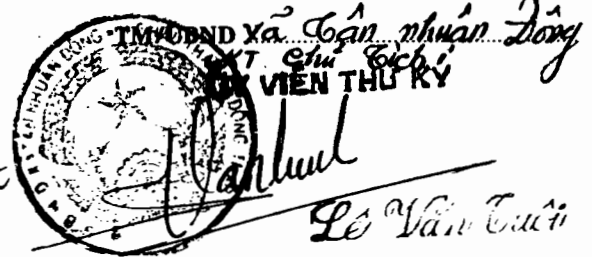
Kết hôn ngày 18 tháng 01 năm 1988

Chữ ký người vợ

Bmh
Bùi Mỹ-Hương

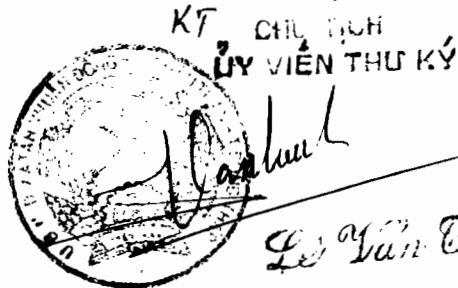
Chữ ký người chồng

liel
Huỳnh Công Liệt



Xác nhận

Sao y bản chính
TÂN NHUẬN ĐÔNG, ngày 15 tháng 02 năm 1988



Lê Văn Tuấn

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến _____ _____ _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu _____	Chuyển đến _____ _____ _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Ký tên đóng dấu _____
Chuyển đến _____ _____ _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm _____	Chuyển đến _____ _____ _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung _____ _____ _____ Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng công an _____	Nội dung _____ _____ _____ Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng công an _____
Nội dung _____ _____ _____ Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng công an _____	Nội dung _____ _____ _____ Ngày _____ tháng _____ năm _____ Trưởng công an _____

Mẫu số NK 4

D. 7-1 x

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ: 2/1701

Họ và tên chủ hộ: Bùi Hữu Đức

Số nhà: 577 Ngõ (hẻm): _____

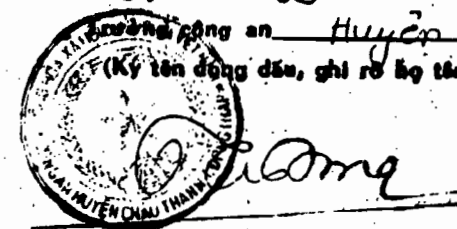
Đường phố: Trần Hưng Đạo Quận CAND: Đống Đa

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Hà Nội

Xã Liêm Xuân, Huyện Mỹ Lương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Tỉnh, thành phố: Đống Đa

Ngày 16 tháng 9 năm 87



Số NK 3

Thị trưởng Đống Đa

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Bùi Hữu Đức	1955	Nam	Con	đang đi		7/1/87		
2	Huỳnh Công Liệt	1929	"	Anh rể	làm việc				
3	Huỳnh Thị Ngọc phấn	1962	Nữ	Con	đang đi				
4	Huỳnh Công Minh	1968	Nam	"	"				
5	Huỳnh Công Chính	1970	"	"	"				
6	Huỳnh Thị Ngọc Ly	1972	Nữ	"	"				
7	Bùi Công Lộc	1984	Nữ	con		ĐÃ ĐĂNG KÝ			
8	Bùi Công Giám	1987	Nữ	con					
9	Bùi Mỹ Hồng	1951	"	"		HK. CG. CNV	11/2/88		

Xác nhận

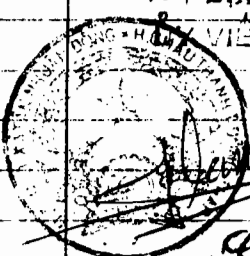
Sao y bản chính

TÂN HƯNG ĐÔNG, ngày 15 tháng 02 năm 1988

THÀNH LẬP XÃ

KT CHỦ TỊCH

VIÊN THƯ KÝ



Lê Văn Xuân

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
République du Viêt-Nam

R. T. - P. H. P.
Département de la Justice

S. T. - P. H. P. NAM - PH. H.
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA **D. T. H.**

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

L. A. H. (MYTHO)

(NAM - PH. H.)
(Sud-Viêt-nam)

MI. L. P. H.
H. S. Q. S. U.

N. M. **1939**
(Année)

S. H. I. U. **88**
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	H. C. L.
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Tr. A.
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 17 MARS 1939
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	L. A. H.
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	H. V. T.
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Th. B.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	L. T. H.
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	T. T. T.
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	m. B.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	l. T. H.
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	v. C.

Nhà in Na-van-Huynh - Saigon

Chúng tôi, **N. K. D.**
(Nous)

Chánh-ân Tòa **D. T. H.**
(Président du Tribunal)

đứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(attestations l'authenticité de la signature de)

L. V. C.

Chánh-Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef du dit Tribunal).

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

MYTHO ngày **18/12/1959**

CH. L. S.
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền : **1000**
(Coût)

Biên-lai số :
(Quittance n°)



CHỨNG THẬT

Trưởng - Ty Y - Tế

ĐS. PHẠM VĂN GIÀN

Vinhlong, ngày 03 tháng 3 năm 1972

TL. TỈNH - TRƯỞNG

PHO TỈNH - TRƯỞNG 2

NGUYỄN S. THU TIẾN

Đặc - Sư

VIỆT NAM CỘNG HÒA
TỈNH VINH - LONG

Số : 01 /YIVL

THẺ NHÂN - VIÊN

Họ tên : BÙI-MỸ-HƯƠNG
Ngày và nơi sanh : 10-5-51, tại Sađéc
Thẻ căn cước : 00021300 tại Sài Gòn
Chức vụ : Cô-cố hương-thôn
Ty Y-Tế Vĩnhlong

VIỆT - NAM CÔNG - HÒA
République du Viet-Nam

TỐI - CAO PHÁP - VIỆN
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

GREFFE DU TRIBUNAL DE VINH LONG

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Tân-Nhuận-Đông
VINH LONG (NAM-PHẦN)
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1953-1954
(Année)

SỐ HIỆU 167
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	LỢI CUỘC
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Do án nguyên đơn số 576, ngày
Sanh ngày nào (Date de naissance)	5.1.1962, Tòa Sơ-Thẩm Vĩnh-long
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	phán rằng: Tên Bùi-Mỹ-Hương, nữ,
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	sanh ngày 10.5.1951, tại xã Tân-
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Nhuận-Đông (SABEC nay là VINH LONG)
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	con chánh thức của Bùi-Văn-Chấn và
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trương-Thị-Múi (chết)./-
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Vĩnh-long, ngày 25.4.1962
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Chánh-Lục-Sự
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Ký tên: Huỳnh-Kim-Khiết (nhận dấu)



g tới
-án Tòa
ent du Tribunal)
chợ hợp pháp chữ ký tên của
ons l'authenticité de la signature de)

Chánh-Lục-Sự Tòa Án sơ tại
er en Chef dudit Tribunal).
, ngày
CHÁNH-AN,
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme)

Vĩnh-long ngày 18.11 19 70



Phòng Văn-Hoà

Giá tiền 1500
(Cout)

Biên-lai số 25321 T/5
(Quittance No)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **310240647**



Họ tên

HUỲNH THỊ TRÚC GIANG

Sinh ngày **30-09-1963**

Nguyên quán **An Hữu**

Cái Bè, Tiền Giang.

Nơi thường trú **An Hữu**

Cái Bè, Tiền Giang.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH:	
NGÓN TRỎ TRÁI		Nốt ruồi C.lcm trên sau đầu máy phải	
		22/02/1979 THÀNH ĐOÀN CÔNG TY CÔNG AN TUYÊN TY  Nguyễn Văn Huệ	

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH ĐỊNH-TƯỜNG

QUẬN: GIÁO-ĐỨC
XÃ: AN-HỮU

Số hiệu: 356

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 03 tháng 10 năm 19 63

Tên họ đứa trẻ: HUỖNH-THỊ-TRÚC-GIANG
Con trai hay con gái: Nữ
Ngày sinh: Ngày 30 tháng 9 năm 1963
Nơi sinh: Xã An-Hữu
Tên họ người cha: Huỳnh-Công-Liệt
Tên họ người mẹ: Phù-Thị-Nguyễn-Hạnh
Vợ hãnh hay không có hôn thú: Vợ-Chánh
Tên họ người đứng khai: Huỳnh-Công-Liệt



THỊ-THỰC
TƯ CỐ 6366-BNV/HC/29
1-1970 CỦA BỘ-NỘI-VỤ

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

ngày 17 tháng 10 năm 19 73
VIÊN CHỨC HỘ-TỊCH,



TRẦN-VĂN-HAI.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 210240566



Họ tên

HUYỀN THỊ TRÚC PHƯƠNG

Sinh ngày

25-05-1962

Nguyên quán

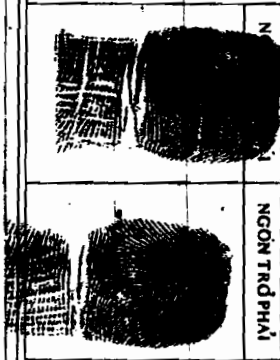
An Hòa

Cái Bè, Tiền Giang.

Nơi thường trú

An Hòa

Cái Bè, Tiền Giang.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Nốt ruồi ngay nếp phải	
		Ngày 02.án 1979	
		PHÓ TRƯỞNG TỶ <i>Phạm Văn Bình</i> <i>Phạm Văn Bình</i>	

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận: 5

PHƯỜNG

Số hiệu: 312 A

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 29 tháng 5 năm 19 62 V6

Tên họ đứa trẻ.	NGUYỄN THAI TRÚC PHƯƠNG
Con trai hay con gái. . .	NỮ
Ngày sanh.	hai mươi lăm tháng năm năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai tại họ 9630
Nơi sanh.	làng họ 10 HUNG VƯƠNG
Tên họ người cha.	NGUYỄN CÔNG LIỆT
Tên họ người mẹ.	PHU THI NGUYỄN NAM
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	NGUYỄN CÔNG LIỆT



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày tháng năm 19

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Tham-Sự Hành-Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~340894663~~

Họ tên **HUYNH - CÔNG - MINH.**



Sinh ngày 1968

Nguyên quán Tân - Nhuận - Đông,
Châu - Thành, Đồng - Tháp

Nơi thường trú Tân - Nhuận, Tân -
Nhuận - Đông, Châu - Thành, Đ - T

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH



MẮT TRÁI

Sẹo thẹo D: 1,2cm C: 2,8cm dưới trước dưới mắt trái



MẮT PHẢI

Đã đăng ký 10 năm 1984



Chai Hoi

VIỆT - NAM CỘNG - HOA

TỈNH GIA-ĐÌNH
QUẬN THỦ-ĐỨC

BỔN TRÍCH-LỤC
BỘ KHAI-SINH

0/60
Xã TĂNG NHƠN-PHÚ

Năm 1.968

Số hiệu 153

Tên họ ấu nhi	HUYỀN-CÔNG-VINH
Phái	Nam
Sinh (ngày tháng năm)	Hai mươi lăm tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám, 07g 05.
Tại	Tăng-Nhơn-Phú (Đảo Sanh TRẦN-CÔNG)
Cha (Tên họ)	HUYỀN-CÔNG-LIỆT
Nghề	Quân Nhân
Cư trú tại	K.B.Q 3.597
Mẹ (Tên họ)	PHÙ-THỊ MỸ-HẠNH
Nghề	Nội Trại
Cư trú tại	Tăng-Nhơn-Phú, 34/4 Khu 16/2
Vợ (Chánh hay thứ)	Hôn-thú số 97 lập ngày 19.01.1962 tại Quận 5 Saigon.

MIỄN THỊ THỰC

TC, Thông-Tư số 4366-BNV/HC-29
ngày 3-8-70 của Bộ-Nội-Vụ



Trích y bản chánh: năm 1968

Tăng-nhơn Phú, ngày 02 tháng 06 năm 19 72

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Ủy-viên VH/Xã-Hội kiêm Hộ-Tịch,



NGUYỄN-VĂN-CHÍNH.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **021020149**

Họ tên: **ĐUỖNH THỊ TRÚC VÂN**



Sinh ngày: **12-12-1965**

Nguyên quán: **Cái Lè,**

Phước Giang.

Nơi thường trú: **50/2 Hoà Hưng,**

Q.10. TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: <u>kinh</u> Tôn giáo: <u>không</u>	
	NGON TRỎ TRÁI
	NGON TRỎ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
<u>lỗ ruồi c. 1,5cm trên</u> <u>đầu máy phải</u>	
Ngày <u>3</u> tháng <u>4</u> năm <u>1980</u>	
 HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUÂN 10 <u>Trần Văn Lý</u>	

BẢN TRÍCH-LỤC
BỘ KHAI-SINH

Năm 1.965

Số hiệu 920



Tên họ ấu nhi	HUYỀN-THỊ TRƯỚC-VÂN
Phái	NỮ
Sinh (ngày tháng năm)	Ngày mười ba tháng mười hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm.
Tại	Bảo Sơn TRẦN-CÔNG Chợ-Nhỏ
Cha (Tên họ)	HUYỀN-CÔNG-LIỆT
Nghề	Quân Nhân
Cư trú tại	Số 34/4 Khu 16 Tăng-Nhơn-Phú
Mẹ (Tên họ)	PHÚ-THỊ MỸ-HẠNH
Nghề	Hội Trại
Cư trú tại	Số 34/4 Khu 16 Tăng-Nhơn-Phú
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

MIỀN THỊ THỰC

TC. Thông-Tư số 4366-BNV/HC-29
ngày 3-8-70 của Bộ-Nội-Vụ

Trích y bản chánh : năm 1965

Tăng-nhơn Phú, ngày 02 tháng 06 năm 19 72

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Ủy-Viên VH/Xã-Hội kiêm Hộ-Tịch,



NGUYỄN-VAN-CHÍNH.

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH
QUẬN THỦ-ĐỨC

C/6b

Xã TĂNG NHƠN-PHÚ

BỔN TRÍCH-LỤC
BỘ KHAI-SINH

Năm 1.970

Số hiệu 654

Tên họ ấu nhi	HUYỀN-CÔNG-CHÁNH
Phái	Nam
Sinh (ngày tháng năm)	Ngày chín tháng mười năm một ngàn chín trăm bảy mươi.
Tại	Tăng-Nhơn-Phú (Bảo Sanh TRẦN-CÔNG)
Cha (Tên họ)	HUYỀN-CÔNG-LIỆT
Nghề	Quân Nhân
Cư trú tại	K.B.C 3.177
Mẹ (Tên họ)	PHÙ-THỊ MỸ-HẠNH
Nghề	Nội Trợ
Cư trú tại	Tăng-Nhơn-Phú, 39/1 Khu 16/2
Vợ (Chính hay thứ)	Vợ chính

MIỄN THỊ THỰC

TC, Thông-Tư số 4366-BNV/HC-29
ngày 3-8-70 của Bộ-Nội-Vụ



Trích y bản chính : năm 1970

Tăng-nhơn Phú, ngày 02 tháng 06 năm 1972

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Ủy-Viên V&X&H kiêm Hộ-Tịch,



NGUYỄN-VAN-CHÍNH.

VIỆT NAM CỘNG HÒA
Tỉnh gia đình
quận thủ-đức

ĐƠN TRÍCH LỤC
Đ 6 KHAI SINH

C/10b phú
xã Tăng Nhơn phú

"SONG THAI NHẤT"

Số hiệu 379

Năm 1.972

Tên họ ấu nhi	:	<u>HUYỀN-THỊ-TRÚC-LY</u>
Phái	:	<u>m</u>
-Sinh (ngày tháng, năm)	:	Ngày hai mươi tám tháng năm, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, 02 giờ 50
Tại	:	<u>Tăng-nhơn-Phú, Bảo-sanh Trần-Công</u>
Cha (tên họ)	:	<u>Huyền-Công-Liệt</u>
Nghề	:	<u>Quản-hân</u>
Cư trú tại	:	<u>K.B.C 4.253</u>
-Mẹ (tên họ)	:	<u>Phù-Thị-Mỹ-Hạnh</u>
Nghề	:	<u>Nội-trợ</u>
Cư trú tại	:	<u>Tăng-nhơn-Phú, 39/1 Khu 16/2</u>
Vợ (chánh hay thứ):	:	<u>Vợ chánh</u>

TRÍCH Y BỐN CHÁNH :

Tăng-nhơn-Phú, ngày 02 tháng 5 năm 1972

UY VIÊN HỘ TỊCH
Ủy viên VH/Xã-Hội Kiểm Hộ-Tịch

(đã ký và đóng dấu)
Nguyễn-văn-Chấn



*Yêu mến -
ĐS Sao Y-Lưu
chính,*

Cán bộ huyện đã ký 28/9/83 -
Trưởng CP Xã
Phạm Văn Kiểm





PARAVION



6256

To : Mrs Khuc Minh Tho

PO Box 5435

Arl. VA. 22205-0635

USA



FROM : HUYNH. CONG. LIET
577 Tổ 22 ấp Tân Thuận, xã
Tân Nhuận Đông, CT, Đồng Tháp

C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

4/5